

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/TB-UBND

Đông A, ngày 26 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương
Quý IV năm 2025**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân phường Đông A thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý IV năm 2025 (Có kèm theo chi tiết kèm theo).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phường Đông A.

Ủy ban nhân dân phường trân trọng thông báo để các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan được biết. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình;
- TT Đảng uỷ, HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Công TTĐT phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Mịch

BÁO CÁO
Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương
Quý IV năm 2025

(Kèm theo Thông báo số: 07/TB-UBND ngày 26/01/2026 của UBND phường Đông A)

1. Về thu ngân sách (Biểu số 113/CK-NSNN; 114/CK-NSNN)

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường Hội đồng nhân dân giao 248.377 triệu đồng, trong đó ngân sách phường được điều hành 110.958 triệu đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường quý IV năm 2025 thực hiện 51.798,971 triệu đồng, đạt 21% so với dự toán; thu ngân sách phường được điều hành 26.036, 817 triệu đồng, đạt 23% so với dự toán;

Trong đó:

- Thu nội địa quý III năm 2025 thực hiện 36.189,738 triệu đồng, đạt 22% dự toán, trong đó phần ngân sách phường được điều hành 10.427,584 triệu đồng đạt 40% so với dự toán giao.

- Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa quý IV thực hiện 28.608,578 triệu đồng, đạt 57% dự toán; trong đó phần ngân sách phường được điều hành 6.735,34 triệu đồng đạt 77% so với dự toán giao.

Hầu hết các khoản thu đều đảm bảo tiến độ theo dự toán giao. Kết quả đạt được này là do Đảng ủy, HĐND, UBND phường, các ngành, địa phương triển khai thực hiện nghiêm chỉ đạo của cấp trên về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng với sự điều hành sát sao, có trọng tâm, trọng điểm của chính quyền địa phương, nguồn thu địa phương được duy trì và phát triển ổn định.

2. Về chi ngân sách (Biểu số 115/CK TC-NSNN)

Dự toán chi ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân phường giao: 143.372 triệu đồng. Chi ngân sách địa phương quý IV năm 2025 thực hiện 64.996,138 triệu đồng, đạt 46% dự toán. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển Quý IV thực hiện: 11.324,56 triệu đồng, đạt 23% so với dự toán;

- Chi thường xuyên Quý IV thực hiện: 56.671, 578 triệu đồng, đạt 57% so với dự toán.

- Chi nộp ngân sách cấp trên ước thực hiện: 498,9 triệu đồng kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên

Chi ngân sách địa phương về cơ bản đã đảm bảo nguồn kinh phí đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên của các cấp, các ngành theo dự toán, đặc biệt là các khoản chi lương, thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. Công tác quản lý chi ngân sách nhà nước được tăng cường đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả./.

BIỂU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ IV NĂM 2025



(Kèm theo Thông báo số 07/TB-UBND ngày 26/01/2026 của UBND phường Đông A)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm	Thực hiện quý 4 năm 2025	So sánh (%)
I	Tổng số thu	143.372.399	26.036.817	18%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	905.000	466.221	52%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	57.378.399	9.961.363	17%
3	Thu bổ sung	85.089.000	15.607.793	18%
	- Bổ sung cân đối ngân sách	16.280.000	3.963.000	24%
	- Bổ sung có mục tiêu	68.809.000	11.644.793	17%
4	Thu chuyển nguồn		1.440	
II	Tổng số chi	143.372.399	65.495.038	46%
1	Chi đầu tư phát triển	49.514.399	11.324.560	23%
2	Chi thường xuyên	93.011.000	53.671.578	58%
3	Dự phòng	847.000		0%
4	Chi nộp ngân sách cấp trên		498.900	

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ IV NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số 07/TB-UBND ngày 26/01/2026 của UBND phường Đông A)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán tính giao		Dự toán phường giao		Thực hiện quý IV năm 2025		So sánh% THQ4/DTT	
		Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP
A	B	1	2	3	4	5	6	7=5/1	10=6/2
	Tổng số thu ngân sách	248.377.000	110.958.000	248.377.000	143.372.399	51.798.971	26.036.817	21%	23%
	Thu nội địa (I+II)	163.288.000	25.869.000	163.288.000	58.283.399	36.189.738	10.427.584	22%	40%
	Thu nội địa (trừ thu tiền đất)	50.288.000	8.769.000	50.288.000	8.769.000	28.608.578	6.735.340	57%	77%
I	Các khoản thu 100%	905.000	905.000	905.000	905.000	1.504.003	466.221	166%	52%
1	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	670.000	670.000	670.000	670.000	170.543	170.543	25%	25%
2	- Thu khác	235.000	235.000	235.000	235.000	1.333.460	295.678	567%	126%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	162.383.000	24.964.000	162.383.000	57.378.399	34.685.735	9.961.363	21%	40%
	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý								
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	13.000		13.000		19.808		152%	
	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước có vốn đầu tư nước ngoài								
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	20.150.000	1.630.000	20.150.000	1.630.000	13.532.322	1.605.254	67%	98%
3	Lệ phí trước bạ	15.145.000	811.000	15.145.000	811.000	5.614.912	495.021	37%	61%
4	Thuế sử dụng đất phi Nông nghiệp	1.690.000	1.183.000	1.690.000	1.183.000	1.460.811	1.014.428	86%	86%
5	Thuế thu nhập cá nhân	9.680.000	3.288.000	9.680.000	3.288.000	5.004.304	2.364.618	52%	72%
6	- Phí, lệ phí	205.000	169.000	205.000	169.000	342.719	226.260	167%	134%
7	Thu tiền sử dụng đất	113.000.000	17.100.000	113.000.000	49.514.399	7.581.160	3.692.244	7%	22%
8	Thu tiền thuê đất, mặt nước	2.500.000	783.000	2.500.000	783.000	1.129.699	563.538	45%	72%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
IV	Thu chuyển nguồn					1.440	1.440		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước								
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	85.089.000	85.089.000	85.089.000	85.089.000	15.607.793	15.607.793	18%	18%
1	Bổ sung cân đối ngân sách	16.280.000	16.280.000	16.280.000	16.280.000	3.963.000	3.963.000	24%	24%
2	Bổ sung có mục tiêu	68.809.000	68.809.000	68.809.000	68.809.000	11.644.793	11.644.793	17%	17%



BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ IV NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số 07/TB-UBND ngày 26/01/2026 của UBND phường Đông A)



Đơn vị: 1.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO 2025	DỰ TOÁN PHƯỜNG GIAO 2025	Trong đó:		Thực hiện quý IV năm 2025	So sánh % THQ4/DT
				DT Giao chi cân đối	DT giao Chi mục tiêu để thực hiện các chế độ chính sách, chương trình, nhiệm vụ từ ngân sách tỉnh		
A	B	1	2=4+8	3	4	5	6
	TỔNG CHI (A+B)	110.958.000	143.372.399	74.563.399	68.809.000	65.495.038	46%
A	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	42.149.000	143.372.399	74.563.399	68.809.000	64.996.138	45%
I	Chi XD CB	17.100.000	49.514.399	49.514.399	68.809.000	11.324.560	23%
II	Chi thường xuyên	25.049.000	93.858.000	25.049.000	68.809.000	53.671.578	57%
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	297.000	63.225.000	297.000	62.928.000	22.518.760	36%
2	Chi sự nghiệp môi trường		2.228.022	328.022	1.900.000	850.999	38%
3	Chi đảm bảo xã hội		2.731.733	1.024.733	1.707.000	5.153.467	189%
	- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác		896.000	896.000		587.890	66%
	- Trợ cấp xã hội		1.707.000	-	1.707.000	234.500	14%
	- Khác		128.733	128.733		4.331.077	3364%
4	Chi quản lý hành chính		19.455.040	19.455.040	-	14.265.252	73%
	- Quản lý Nhà nước		11.111.118	11.111.118		8.512.585	77%
	- Đảng Công sản Việt Nam		4.721.258	4.721.258		3.303.079	70%
	- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		3.622.663	3.622.663		2.449.588	68%
5	Chi cho công tác Dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	23.905.000	1.994.958	1.994.958	-	4.424.010	222%
	- Chi dân quân tự vệ		693.243	693.243		4.032.578	582%
	- Chi trật tự an toàn xã hội		1.301.715	1.301.715		391.432	30%
6	Chi sự nghiệp kinh tế		2.808.683	534.683	2.274.000	5.245.315	187%
	- Giao thông		292.399	292.399		1.046.655	358%
	- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản		216.236	216.236		1.515.190	701%
	- Thị chính		2.274.000	-	2.274.000	2.303.966	101%
	- Các hoạt động kinh tế khác		26.048	26.048		379.504	1457%
7	Chi sự nghiệp y tế		48.353	48.353		723.775	1497%
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		1.500	1.500		55.000	3667%
9	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		288.854	288.854		65.000	23%
10	Chi sự nghiệp phát thanh		218.357	218.357		0	0%
11	Chi khác		10.500	10.500		370.000	3524%
III	Dự phòng ngân sách	847.000	847.000	847.000			

B	Chi mục tiêu để thực hiện các chế độ chính sách, chương trình, nhiệm vụ từ ngân sách tỉnh	68.809.000	-	-	-	-	-
1	Kinh phí bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục	59.928.000				0	
2	Kinh phí bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	1.707.000				0	
3	Kinh phí tăng biên chế giáo viên	3.000.000				0	
4	Bổ sung cơ mục tiêu vốn sự nghiệp các nhiệm vụ cấp huyện chuyển về cấp xã (thị chính, môi trường...)	4.174.000				0	